

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH TÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1195/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 25/8/2020

V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đỗ Thị Giang

Bà Nguyễn Thị Hồng Tươi

- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Cương – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 25 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 879/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2020 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 130/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 07 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị O. Năm sinh: 1985.

Thường trú: ấp Y, xã M, huyện T, tỉnh V.

Tạm trú: số 85/27/25 đường H, khu phố X, phường T, quận B, Thành phố H.

Bị đơn: Ông Bùi Đông H. Năm sinh: 1978.

Thường trú: thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Q.

Tạm trú: số 85/27/25 đường H, khu phố X, phường T, quận B, Thành phố H.

(Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn của Bà Đỗ Thị O và bản tự khai của đương sự tại Tòa án cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Nguyên đơn Bà Đỗ Thị O trình bày: Bà O và Ông Bùi Đông H chung sống với nhau từ năm 2007, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn.

Năm 2011, Bà Đỗ Thị O và Ông Bùi Đông H ly hôn theo quyết định ly hôn số 169/2011/QĐST-HNGĐ ngày 15/4/2011 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị O và Ông Bùi Đông H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: có 01 con chung tên Bùi Ngọc Minh T sinh ngày 17/7/2007. Giao Bà Đỗ Thị O được quyền tiếp tục nuôi cháu Thu. Phần trợ cấp nuôi con Ông H có trách nhiệm đóng góp tiền nuôi con mỗi tháng là 500.000 đồng được tính từ tháng 04/2011 cho đến khi cháu Thu trưởng thành. Đóng góp tiền trợ cấp nuôi con vào ngày 10 dương lịch hàng tháng tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Về tài sản chung, nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác: hai ông bà cùng xác nhận không có.

Năm 2012, Bà Đỗ Thị O và Ông Bùi Đông H cùng nhau chung sống như vợ chồng và sinh thêm con chung là trẻ Bùi Minh T sinh ngày 13/02/2013. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì hai bên phát sinh mâu thuẫn trầm trọng do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, thường xuyên cãi vã, mục đích hôn nhân không đạt được. Hai bên sống ly thân từ tháng 06/2019 đến nay mà không hàn gắn tình cảm được.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị O yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Bà Đỗ Thị O và Ông Bùi Đông H.

- Về con chung trong thời kỳ từ năm 2012 đến năm 2020: có 01 (một) con chung tên Bùi Minh T sinh ngày 13/02/2013. Bà O đồng ý giao trẻ Thành cho Ông H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, Bà O không cấp dưỡng nuôi trẻ Thành.

- Về tài sản chung: hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung và nghĩa vụ dân sự khác: Bà O xác nhận không có.

Bị đơn là Ông Bùi Đông H: Ông H thống nhất với toàn bộ phần trình bày của Bà Đỗ Thị O về quá trình chung sống, con chung, tài sản chung, nợ chung như trên là đúng sự thật. Tại Tòa án, Ông Bùi Đông H thống nhất:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Đông H đồng ý yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Ông Bùi Đông H và Bà Đỗ Thị O.

- Về con chung trong thời kỳ từ năm 2012 đến năm 2020: có 01 (một) con chung tên Bùi Minh T sinh ngày 13/02/2013. Ông H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, không yêu cầu Bà O cấp dưỡng nuôi trẻ Thành.

- Về tài sản chung: hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung và nghĩa vụ dân sự khác: Ông H xác nhận không có.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là Bà Đỗ Thị O và bị đơn là Ông Bùi Đông H có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:** Bà Đỗ Thị O có yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với Ông Bùi Đông H đây là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Bị đơn là Ông Bùi Đông H cư trú tại quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ Luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] **Về thủ tục tố tụng:** Nguyên đơn là Bà Đỗ Thị O và bị đơn là Ông Bùi Đông H có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự. Hội đồng xét xử căn cứ vào yêu cầu khởi kiện, lời khai của nguyên đơn, bị đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết vụ án.

[3] **Về nội dung:** Bà Đỗ Thị O và Ông Bùi Đông H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2012 nhưng không đăng ký kết hôn nên vi phạm vào Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Quá trình chung sống giữa Bà O và Ông H lúc đầu hạnh phúc, đến năm 2019 thì hai bên phát sinh mâu thuẫn trầm trọng do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, thường xuyên cãi vã, mục đích hôn nhân không đạt được. Hai bên sống ly thân từ tháng 06 năm 2019 đến nay mà không hàn gắn tình cảm được.

Tại Tòa, Bà O và Ông H yêu cầu giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông bà. Xét thấy yêu cầu này phù hợp với qui định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 “Nam nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ và chồng”. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Bà O và Ông H về việc không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Bà Đỗ Thị O và Ông Bùi Đông H.

- Về con chung trong thời kỳ từ năm 2012 đến năm 2020: có 01 (một) con chung tên Bùi Minh T sinh ngày 13/02/2013. Bà O và Ông H thống nhất giao Ông Bùi Đông H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ Bùi Minh T.

- Về cấp dưỡng nuôi con: ghi nhận sự tự nguyện của Ông H về việc không yêu cầu Bà O cấp dưỡng nuôi trẻ Thành.

- Về tài sản chung: Bà Đỗ Thị O và Ông Bùi Đông H thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Đỗ Thị O và Ông Bùi Đông H thống nhất không có.

- Về án phí sơ thẩm: Bà Đỗ Thị O chịu án phí theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận Bà Đỗ Thị O và Ông Bùi Đông H là vợ chồng.

2. Về con chung trong thời kỳ từ năm 2012 đến năm 2020: có 01 (một) con chung tên Bùi Minh T sinh ngày 13/02/2013.

Bà Đỗ Thị O và Ông Bùi Đông H thống nhất giao con chung là trẻ Bùi Minh T cho Ông Bùi Đông H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của Ông Bùi Đông H về việc không yêu cầu Bà Đỗ Thị O cấp dưỡng nuôi trẻ Bùi Minh T.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, cha mẹ đều có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con. Trong trường hợp do yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

4. Về tài sản chung: Bà Đỗ Thị O và Ông Bùi Đông H thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về nợ chung: Bà Đỗ Thị O và Ông Bùi Đông H thống nhất không có.

6. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) Bà Đỗ Thị O phải chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) Bà O đã nộp theo biên lai thu số 0061353 ngày 23/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà O đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự thi hành án tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

7. Quyền và thời hạn kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện Kiểm sát cùng cấp và cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục thi hành án dân sự quận Bình Tân;
- Các đương sự;
- Nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu văn thư, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Tuyết